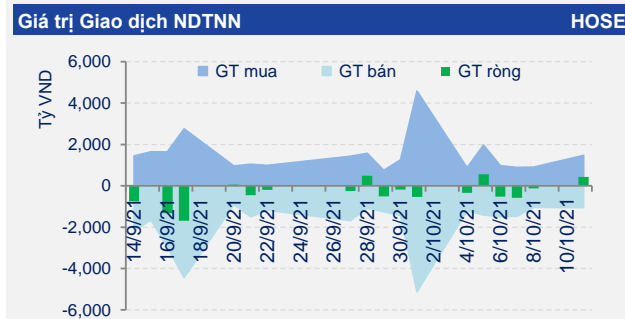
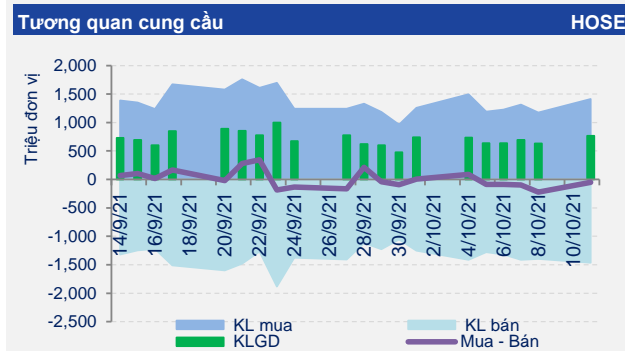


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/10/2021

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,394.09	374.34
% Thay đổi	↑ 1.56%	↑ 0.65%
KLGD (CP)	764,177,913	99,783,280
GTGD (tỷ đồng)	22,773.25	2,100.76
Tổng cung (CP)	1,464,741,800	159,214,200
Tổng cầu (CP)	1,414,741,600	140,712,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	26,404,200	677,536
KL mua (CP)	36,086,044	861,700
GTmua (tỷ đồng)	1,471.66	26.86
GT bán (tỷ đồng)	1,048.23	22.85
GT ròng (tỷ đồng)	423.43	4.01



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.53%	24.7	4.0	1.7%
Công nghiệp	↓ -0.42%	19.9	3.0	9.4%
Dầu khí	↑ 1.54%	17.4	1.9	2.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.66%	-	5.2	3.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.18%	18.0	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.45%	21.5	4.3	10.1%
Ngân hàng	↑ 2.66%	10.9	2.3	26.2%
Nguyên vật liệu	↑ 1.42%	13.9	3.0	17.2%
Tài chính	↑ 1.55%	17.8	3.4	25.3%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.09%	17.1	3.1	3.3%
VN - Index	↑ 1.56%	16.7	3.0	104.4%
HNX - Index	↑ 0.65%	21.8	4.6	-4.4%

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm phiên thứ sáu liên tiếp với thanh khoản tăng cao. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 21,36 điểm (+1,56%) lên 1.394,09 điểm; HNX-Index tăng 2,42 điểm (+0,65%) lên 374,34 điểm. Thanh khoản trên hai sàn tăng mạnh so với phiên trước với giá trị giao dịch đạt gần 24.874 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 864 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 2.336 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 340 mã tăng, 113 mã tham chiếu, 294 mã giảm. Thị trường tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng cho đến khi hết phiên nhờ sự bứt phá từ nhóm cổ phiếu ngân hàng, tiêu biểu là TCB (+4,5%) và CTG (+5,3%). Cổ phiếu SHB ghi nhận mức tăng gần 5% trong phiên giao dịch đầu tiên trên sàn HOSE. Các cổ phiếu bluechips khác cũng đồng loạt tăng điểm, tiêu biểu là cổ phiếu nhà Vingroup như VIC (+2,91%), VHM (+1,38%), VRE (+4,46%). Đà tăng cũng được lan tỏa tới các nhóm ngành khác như chứng khoán, bất động sản, ngành thép giúp củng cố sắc xanh của thị trường.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index phiên đầu tuần tăng khá tốt 1,56% dưới ảnh hưởng tích cực của VN30 (+2,28%) với khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên trước (tăng 19,48% tại HOSE và tăng 53,19% với VN30) và quay trở lại mức trung bình cho thấy tâm lý thận trọng trước đó của nhà đầu tư đã được gỡ bỏ phần nào và dòng tiền đang tập trung mạnh hơn tại nhóm cổ phiếu bluechip.

Trên góc nhìn kỹ thuật, với phiên tăng điểm hôm nay VN-Index đã vượt được vùng kháng cự cứng là vùng đỉnh cũ của tháng 8/2021 quanh mốc 1.380 điểm, xu hướng ngắn hạn của VNINDEX vẫn duy trì tăng trưởng với hỗ trợ gần nhất là vùng 1.380 điểm, xa hơn là vùng hỗ trợ 1.370-1.375 điểm. Dự báo VNINDEX nhiều khả năng sẽ rung lắc điều chỉnh để kiểm định lại vùng giá 1.370-1.380 đã vượt và kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng điểm hướng đến vùng đỉnh cũ tháng 07/2021 là 1.415-1.425. Nhà đầu tư ngắn hạn đang nắm giữ các cổ phiếu có xu hướng tốt nhận được sự quan tâm của dòng tiền có thể tiếp tục duy trì vị thế tới khi xu hướng của VN-Index thay đổi (đánh mất vùng hỗ trợ 1.360-1.370 điểm) hoặc chốt lãi với các cổ phiếu đã đạt mục tiêu hoặc suy yếu hơn thị trường chung.

Các vị thế mua mới ngắn hạn có thể xem xét khi VNINDEX kiểm tra lại vùng giá 1.370-1.380 điểm và nên ưu tiên các cổ phiếu bluechip có nền tảng cơ bản tốt.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/10/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên, được duy trì cho đến hết phiên, và kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 21,36 điểm (+1,56%) lên 1.394,09 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 2.600 đồng, TCB tăng 2.300 đồng, CTG tăng 1.550 đồng. Ở chiều ngược lại, NVL giảm 500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 375,20 điểm. Cũng có thời điểm, chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 371,66 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,42 điểm (+0,65%) lên 374,34 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHS tăng 800 đồng, BAB tăng 200 đồng, NVB tăng 300 đồng. Ở chiều ngược lại, HHC giảm 7.100 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

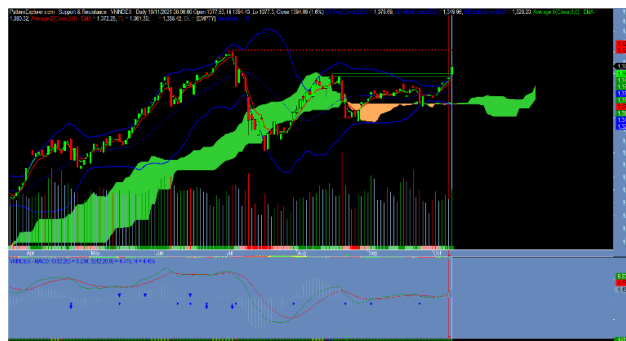
Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 424 tỷ đồng, tương ứng mua ròng về khối lượng với 9,82 triệu cổ phiếu. FMC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 214,2 tỷ đồng tương ứng với 4,25 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VRE với 112,93 tỷ đồng tương ứng với hơn 3,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SBT là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với gần 73,6 tỷ đồng tương ứng với gần 3,34 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 4,0 tỷ đồng, tương ứng mua ròng về khối lượng với 184 nghìn cổ phiếu. PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 18,12 tỷ đồng tương ứng với 400 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PSD với 1,53 tỷ đồng tương ứng với 43 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 12,2 tỷ đồng tương ứng với 53,3 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index phiên đầu tuần 11/10/2021 kết phiên ở mức 1394,09 điểm, tăng tốt 1,56% dưới ảnh hưởng tích cực của VN30 kết phiên ở mức 1510,27 điểm, tăng mạnh 2,28%. Khối lượng giao dịch VNINDEX tăng 19,48%, khối lượng VN30 tăng mạnh 53,19% so với phiên trước và quay trở lại mức trung bình. VNINDEX đã vượt được vùng đỉnh cũ tháng 08/2021 là 1380+-. VN30 có thể sớm vượt giá cao nhất tháng 08/2021 là 1512,3 và hướng đến mục tiêu đỉnh cũ tháng 07/2021 là 1550-1570.

Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng ngắn hạn của VNINDEX vẫn duy trì tăng trưởng với hỗ trợ gần nhất là vùng 1380+-. , tương ứng đỉnh giá tháng 08/2021 vừa vượt qua, hỗ trợ tiếp theo 1370-1375 tương ứng vùng giá trung bình của cổ phiếu T+3 vẫn duy trì khả năng sinh lợi theo VNINDEX. Dự kiến trong phiên tiếp theo VNINDEX sẽ rung lắc điều chỉnh kiểm tra lại vùng giá 1370-1380 đã vượt và kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng điểm hướng đến vùng đỉnh cũ tháng 07/2021 là 1415-1425. Hiện tại các vị thế nắm giữ cổ phiếu theo xu hướng tăng trưởng vẫn được khuyến nghị cho đến khi VNINDEX thay đổi xu hướng hoặc mất vùng hỗ trợ 1360-1370. Các vị thế mua mới nếu có, có thể xem xét gia tăng khi VNINDEX kiểm tra lại đỉnh giá tháng 08/2021 và nên ưu tiên vào nhóm mã tài chính, chứng khoán khi thanh khoản thị trường, VN30 cải thiện tốt trở lại.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng nhẹ

Tại thời điểm 15 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 57,00 - 57,90 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 200.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra.

Tỷ giá trung tâm tăng 5 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 11/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.170 VND/USD, tăng 5 đồng so với ngày 09/10.

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 3,13 USD/ounce tương ứng với 0,18% xuống 1.757,26 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,068 điểm tương ứng 0,07% lên 94,135 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1574 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3650 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 112,80 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

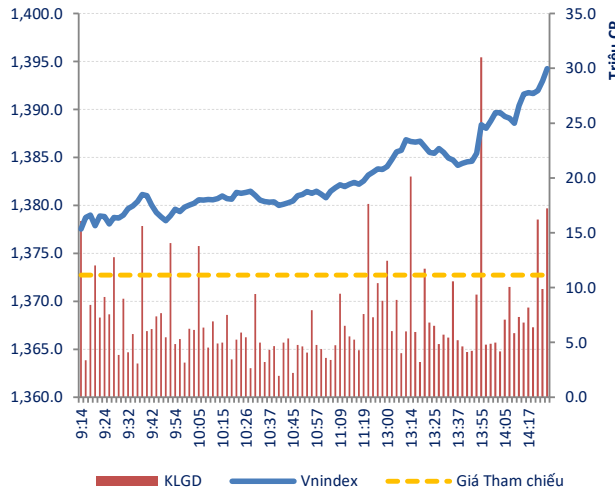
Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô WTI tăng 1,05 USD tương ứng 1,32% lên 79,35 USD/thùng. Giá dầu Brent tăng 0,44 USD tương ứng 0,53% xuống 82,39 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ giảm điểm

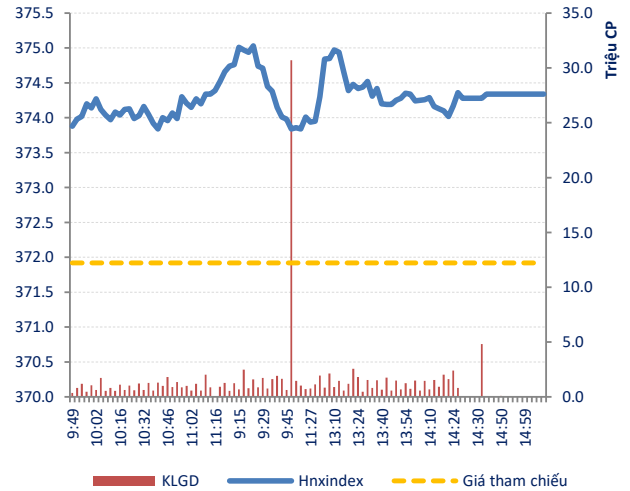
Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, chỉ số Dow Jones giảm 8,69 điểm (tương đương 0,03%) xuống 34.746,25 điểm. Chỉ số S&P 500 giảm 0,2% còn 4.391,34 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite giảm 0,5% xuống 14.579,54 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

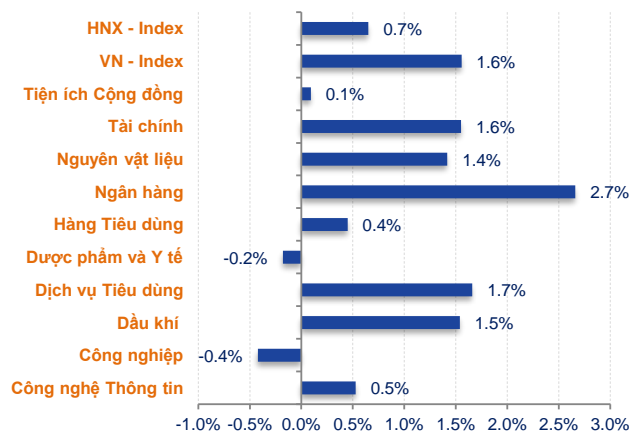
KLGD và VN-Index trong phiên



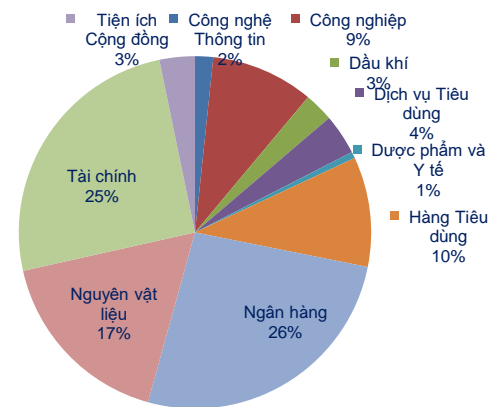
KLGD và HNX-Index trong phiên



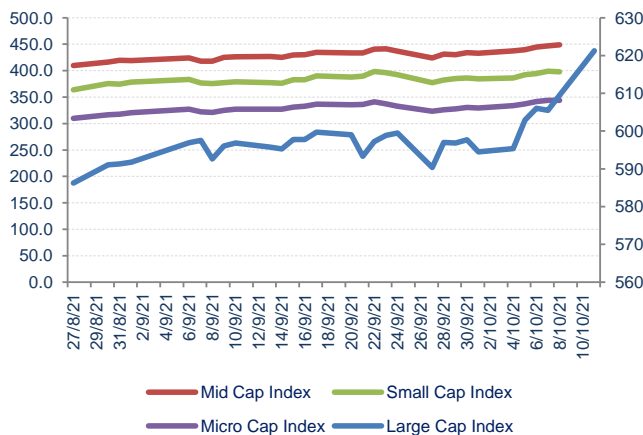
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



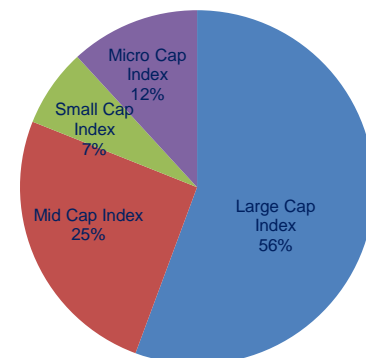
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FMC	4,247,344	SBT	3,341,200
2	VRE	3,765,200	PAN	1,017,700
3	STB	1,751,400	FUEVFNND	678,000
4	CTG	1,665,800	POW	597,000
5	VHM	1,007,900	VNM	593,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	399,700	DL1	203,400
2	CEO	74,000	NVB	64,400
3	ART	59,100	MBG	54,700
4	VTV	50,000	THD	53,300
5	PSD	43,000	EID	26,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	11.40	12.15	↑ 6.58%	34,735,700
HPG	55.70	57.20	↑ 2.69%	26,816,150
TCB	50.70	53.00	↑ 4.54%	25,370,400
MBB	27.70	28.80	↑ 3.97%	25,214,700
POW	12.45	12.40	↓ -0.40%	22,294,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	28.40	28.50	↑ 0.35%	8,580,384
KLF	4.70	4.90	↑ 4.26%	6,879,645
ART	9.80	10.20	↑ 4.08%	4,077,704
SHS	37.40	38.20	↑ 2.14%	3,754,095
BII	13.20	12.30	↓ -6.82%	3,645,803

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LEC	12.20	13.05	0.85	↑ 6.97%
CCI	21.60	23.10	1.50	↑ 6.94%
DXS	28.90	30.90	2.00	↑ 6.92%
VCA	17.40	18.60	1.20	↑ 6.90%
DRH	18.90	20.20	1.30	↑ 6.88%

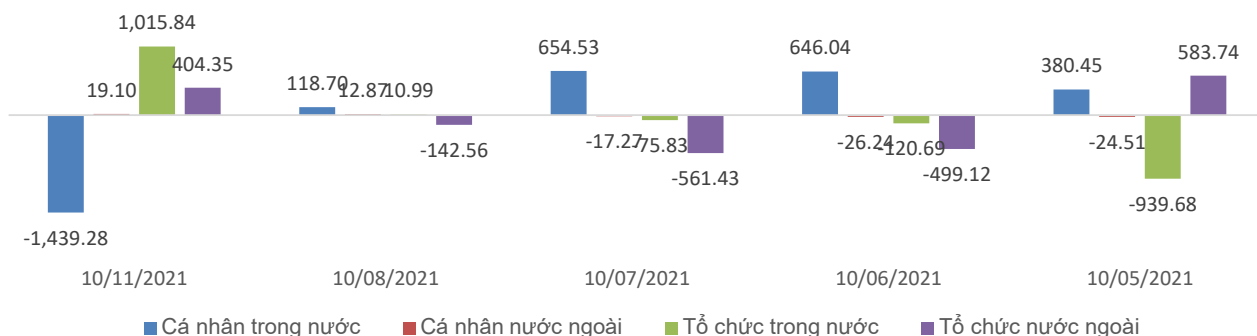
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMT	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
VGP	27.00	29.70	2.70	↑ 10.00%
KSF	56.50	62.10	5.60	↑ 9.91%
VTJ	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%
ALT	14.30	15.70	1.40	↑ 9.79%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	32.95	30.65	-2.30	↓ -6.98%
DAH	9.60	8.93	-0.67	↓ -6.98%
EMC	19.65	18.30	-1.35	↓ -6.87%
LGC	51.90	48.55	-3.35	↓ -6.45%
TCR	4.60	4.35	-0.25	↓ -5.43%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PMP	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
KTT	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
VBC	28.10	25.30	-2.80	↓ -9.96%
CLM	44.50	40.10	-4.40	↓ -9.89%
NHC	33.90	30.60	-3.30	↓ -9.73%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	74.17	7.9%	1,000	21.6	1.7
ITC	70.22	7.3%	1,758	8.7	0.6
PAN	32.02	3.6%	1,049	27.8	1.0
DGC	25.97	25.0%	6,239	22.7	5.2
KBC	21.70	7.0%	1,680	25.2	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FMC	-212.33	19.7%	4,477	10.7	1.9
HPG	-188.18	39.5%	5,614	9.2	3.1
VHM	-148.93	36.9%	7,785	10.4	3.6
TCB	-125.02	21.0%	4,614	10.8	2.1
VRE	-124.70	9.2%	1,195	24.4	2.2

Top Mua ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
IJC	3.97	25.8%	3,971	7.3	2.0
BID	3.09	12.3%	2,499	16.0	1.9
BMI	2.59	9.8%	2,028	18.2	1.8
FLC	2.34	15.4%	2,364	4.6	0.8
DCM	1.89	11.6%	1,431	17.5	2.0

Top Bán ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SKG	-3.27	2.1%	289	53.8	1.2
GIL	-2.54	29.8%	9,036	7.9	2.2
HCM	-2.26	19.2%	2,899	18.5	3.4
HPG	-1.64	39.5%	5,614	9.2	3.1
VHC	-1.13	13.5%	3,956	13.1	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	142.40	39.5%	5,614	9.2	3.1
TCB	125.02	21.0%	4,614	10.8	2.1
MWG	96.65	27.0%	6,357	19.3	4.8
VIC	74.53	4.5%	1,600	54.3	2.3
VHM	68.15	36.9%	7,785	10.4	3.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ITC	-70.22	7.3%	1,758	8.7	0.6
DCM	-27.44	11.6%	1,431	17.5	2.0
HSG	-20.79	48.3%	7,823	6.0	2.3
DXS	-14.58	16.0%	2,911	10.0	1.4
PLX	-12.64	15.6%	3,222	15.7	2.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FMC	212.06	19.7%	4,477	10.7	1.9
VRE	112.59	9.2%	1,195	24.4	2.2
VHM	80.21	36.9%	7,785	10.4	3.6
CTG	49.33	18.5%	3,414	9.3	1.6
HPG	47.42	39.5%	5,614	9.2	3.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	-73.48	7.9%	1,000	21.6	1.7
VNM	-52.34	31.9%	5,109	16.9	5.3
NVL	-52.09	12.9%	3,258	31.7	3.8
PAN	-30.55	3.6%	1,049	27.8	1.0
DGC	-27.48	25.0%	6,239	22.7	5.2



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	34,735,700	15.4%	2,364	5.1	0.9
HPG	26,816,150	3250.0%	5,614	10.2	3.5
TCB	25,370,400	21.0%	4,613	11.5	2.2
MBB	25,214,700	20.1%	2,772	10.4	1.9
POW	22,294,500	7.5%	1,006	12.3	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	8,580,384	4.4%	1,187	24.0	1.1
KLF	6,879,645	0.0%	4	1,196.2	0.5
ART	4,077,704	0.3%	32	322.7	0.9
SHS	3,754,095	30.8%	4,223	9.0	2.1
BII	3,645,803	2.8%	265	46.4	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LEC	↑ 7.0%	2.1%	277	47.0	1.0
CCI	↑ 6.9%	12.6%	1,945	11.9	1.5
DXS	↑ 6.9%	16.0%	2,911	10.6	1.5
VCA	↑ 6.9%	21.2%	3,188	5.8	1.2
DRH	↑ 6.9%	2.8%	395	51.2	1.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SMT	↑ 10.0%	5.8%	702	25.1	1.5
VGP	↑ 10.0%	14.2%	3,209	9.3	1.2
KSF	↑ 9.9%	8.8%	786	79.0	3.1
VTJ	↑ 9.8%	-23.8%	(2,182)	-	0.7
ALT	↑ 9.8%	6.8%	2,523	6.2	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
FMC	4,247,344	19.7%	4,477	11.2	2.0
VRE	3,765,200	9.2%	1,195	25.5	2.3
STB	1,751,400	11.8%	1,904	13.9	1.6
CTG	1,665,800	18.5%	3,414	9.1	1.6
VHM	1,007,900	36.9%	7,777	10.4	3.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	399,700	11.0%	3,581	13.1	1.4
CEO	74,000	-3.1%	(411)	-	0.8
ART	59,100	0.3%	32	322.7	0.9
VTV	50,000	0.3%	43	177.0	0.6
PSD	43,000	18.7%	2,310	16.3	2.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	361,616	20.6%	5,533	17.6	3.4
VHM	352,704	36.9%	7,777	10.4	3.5
VIC	349,699	4.5%	1,600	57.5	2.4
HPG	255,851	39.5%	5,614	10.2	3.5
GAS	215,319	16.3%	4,178	26.9	4.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,010	33.9%	6,555	34.9	14.0
VCS	20,480	42.1%	10,726	11.9	4.8
KSF	18,630	8.8%	786	79.0	3.1
BAB	16,720	7.8%	876	25.3	1.9
IDC	16,320	11.3%	1,683	32.3	3.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.64	22.7%	3,588	17.2	3.5
VDS	2.28	31.0%	3,666	9.1	2.4
IJC	2.26	25.8%	3,971	7.2	1.9
BSI	2.20	17.7%	2,241	14.2	2.3
FIT	2.06	3.4%	543	21.9	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HBS	3.33	1.2%	140	82.6	1.0
APS	3.21	22.8%	1,953	12.9	2.4
ART	2.91	0.3%	32	322.7	0.9
MBS	2.83	17.0%	1,989	17.0	3.0
PSI	2.63	2.9%	300	43.3	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
